TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2017
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ký Bé Lài

2. Bà Trần Thị Hoài Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Phúc T (tên thường gọi Nhiều), sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Huỳnh N, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2017 nguyên đơn Ông Huỳnh Phúc T trình bày: Ông và bà Huỳnh Huỳnh N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh C. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc do ông nghi ngờ vợ ông không yêu thương và chung thủy với ông, bà N tự ý bỏ về cha cha mẹ ruột ở nên vợ chồng ly thân từ ngày 08 tháng 3 năm 2017 đến nay. Xét thấy hôn nhân không còn đảm bảo, hạnh phúc không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Huỳnh N. Trong quá trình chung sống không có con chung. Về tài sản chung là nữ trang trong ngày cưới tổng cộng 15 chỉ vàng 24k, 5,2 chỉ vàng 18k và 9.400.000đ, hiện

nay ông đang quản lý 1.200.000đ còn lại bà N đang quản lý. Ông yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2017 và tại phiên tòa ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Phúc T yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Huỳnh Huỳnh N. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tấn, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Huỳnh Huỳnh N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng, Tòa án xét xử vắng mặt bà Huỳnh Huỳnh N.

[3] Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2017 và tại phiên tòa ông Huỳnh Phúc T rút yêu cầu chia tài sản chung với bà Huỳnh Huỳnh N. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phúc T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Huỳnh Phúc T về việc chia tài sản chung với bà Huỳnh Huỳnh N.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Phúc T và bà Huỳnh Huỳnh N tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 01 năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh C nên hôn nhân của ông T và bà N là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa ông T giữ yêu cầu ly hôn với bà N vì cho rằng ông không còn thương yêu bà N. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ bà N nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng bà N vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của ông T. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội và lý do chính đáng khác*". Ông T và bà N ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay và tại phiên tòa ông T cho rằng không còn thương yêu bà N nên vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau. Điều này cho thấy

tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Phúc T về việc yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Huỳnh N.

[3] Về quyền nuôi con chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét

[4] Về nợ chung: Ông T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xet.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông T phải nộp 300.000đ, ông T đã dự nộp 1.173.000đ được đối trừ chuyển thu án phí. Hoàn trả cho ông T 873.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Huỳnh Phúc T và bà Huỳnh Huỳnh N.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Huỳnh Phúc T về việc yêu cầu chia tài sản chung với bà Huỳnh Huỳnh N, nếu có tranh chấp có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia và đình sơ thẩm ông T phải nộp 300.000đ, ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.173.000đ theo biên lai thu tiền số 0006631 ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu án phí. Hoàn trả cho ông T 873.000đ (tám trăm bảy mươi ba ngàn).

Án xử sơ thẩm , ông T có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Huỳnh Huỳnh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh C (1b);*
- *Các đương sự (1b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều